

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
1	1/	<p><b>Các phương pháp tính giá hàng tồn kho gồm:</b></p> <p>* <b><u>Theo phương pháp thực tế đích danh</u></b></p> <p>Đặc điểm của phương pháp này là vật liệu xuất ra thuộc lần nhập kho nào thì lấy giá nhập kho của lần nhập đó để làm giá xuất kho.</p> <p><u>Ví dụ:</u></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Vật liệu tồn đầu tháng: 200 kg, đơn giá 2.000 đ/kg</li><li>- Tình hình nhập xuất trong tháng như sau: Ngày 01: Nhập kho 500 kg, đơn giá nhập 2.100 đ/kg Ngày 05: Xuất sử dụng 300 kg. Ngày 10: Nhập kho 300 kg, đơn giá nhập 2.050 đ/kg Ngày 15 xuất sử dụng 400 kg</li></ul> <p><b><u>Yêu cầu:</u></b> Tính giá xuất kho vật liệu theo phương pháp thực tế đích danh, biết Doanh nghiệp áp dụng hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.</p> <p>=&gt; Giả sử trong ví dụ trên thì số vật liệu xuất ra của ngày 05 gồm có 200 kg của tồn đầu tháng và 100 kg thuộc số nhập ngày 01, còn vật liệu xuất ra ngày 15 gồm có 250 kg thuộc số nhập ngày 01 và 150 kg thuộc số nhập ngày 10. Như vậy trị giá vật liệu xuất được xác định là:</p> <p>Ngày 05: <math>(200 \times 2.000) + (100 \times 2.100) = 610.000</math> đồng Ngày 15: <math>(250 \times 2.100) + (150 \times 2.050) = 832.000</math> đồng Cộng : <math>= 1.442.000</math> đồng</p>	0,5đ
	2/	<p>* <b><u>Theo phương pháp Nhập trước- Xuất trước (FIFO)</u></b></p> <p>Đặc điểm của phương pháp này là vật liệu xuất ra được tính theo giá của lần nhập trước nếu không đủ thì lấy theo giá của lần tiếp theo thứ tự từ trước đến sau.</p> <p>Ví dụ: Lấy lại ví dụ trên</p> <p><b><u>Yêu cầu:</u></b> Tính giá xuất kho vật liệu theo phương pháp FIFO, biết doanh nghiệp áp dụng hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.</p> <p>=&gt; Như vậy theo ví dụ trên thì giá vật liệu xuất sử dụng là:</p> <p>Ngày 05: <math>(200 \times 2.000) + (100 \times 2.100) = 610.000</math> đồng</p>	0,5đ

	<p>Ngày 15: <math>400 \times 2.100 = 840.000</math> đồng</p> <p>Cộng : <math>= 1.450.000</math> đồng</p>	
3/	<p><b>* Theo phương pháp đơn giá bình quân</b></p> <p>- <i>Phương pháp đơn giá bình quân cố định (bình quân cuối kỳ)</i></p> <p>Đặc điểm của phương pháp này là vào mỗi cuối kỳ kế toán phải xác định đơn giá bình quân (ĐGBQ) của vật liệu tồn và nhập trong kỳ để giá xuất kho:</p> <p><b>Công thức:</b></p> $\text{ĐGBQ} = \frac{\text{Trị giá VL tồn ĐK} + \text{Trị giá VL nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng VL tồn ĐK} + \text{Số lượng VL nhập trong kỳ}}$ $\text{Trị giá VL xuất trong kỳ} = \text{Số lượng vật liệu xuất trong kỳ} \times \text{ĐGBQ}$ <p>- <i>Phương pháp đơn giá bình quân liên hoàn (BQ sau mỗi lần nhập)</i></p> <p>Đặc điểm của phương pháp này là tính ĐGBQ cho từng lần xuất ra nếu trước đó có nhập vào.</p> <p>Ví dụ: Lấy lại ví dụ trên</p> <p><b>Yêu cầu:</b> Tính giá xuất kho vật liệu theo PP ĐGBQ, biết DN áp dụng hạch toán hàng tồn kho theo PP kê khai thường xuyên.</p> <p>=&gt; Như vậy theo ví dụ trên xác định ĐGBQ cố định thì giá trị vật liệu xuất như sau:</p> $\text{ĐGBQ} = \frac{(200 \times 2.000) + [(500 \times 2.100) + (300 \times 2.050)]}{200 + 800} = 2.065 \text{ đ / kg}$ <p>Trị giá xuất vật liệu:</p> <p>Ngày 05: <math>300 \times 2.065 = 619.500</math> đồng</p> <p>Ngày 15: <math>400 \times 2.065 = 826.000</math> đồng</p> <p>Cộng : <math>= 1.445.500</math> đồng</p>	1,0 đ
<b>Tổng điểm câu 1</b>		<b>2,0đ</b>

Câu	Ý	Nội dung	Điểm																																												
2	I	* Định khoản các nghiệp vụ KTPS (ĐVT: trđ) 1. Nợ TK 152      1 Có TK 331      1 2. Nợ TK 156      4 Có TK 111      4 3. Nợ TK 211      45 Có TK 411      45 4. Nợ TK 141      2 Có TK 111      2 5. Nợ TK 421      4 Có TK 411      4 6. Nợ TK 331      11 (10+1) Có TK 112            11 (10+1)	1,5đ (0,25x 6)																																												
	II	* Lập bảng cân đối kế toán <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width: 60%;">Tài sản</th> <th style="width: 20%;">Đầu kỳ</th> <th style="width: 20%;">Cuối kỳ</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1. Tiền mặt</td> <td>10</td> <td>4</td> </tr> <tr> <td>2. TGNH</td> <td>15</td> <td>4</td> </tr> <tr> <td>3. Phải thu KH</td> <td>20</td> <td>20</td> </tr> <tr> <td>4. Tạm ứng</td> <td>0</td> <td>2</td> </tr> <tr> <td>5. Nguyên vật liệu</td> <td>5</td> <td>6</td> </tr> <tr> <td>6. Hàng hoá</td> <td>20</td> <td>24</td> </tr> <tr> <td>7. TSCĐ HH</td> <td>45</td> <td>90</td> </tr> <tr> <td><b>Tổng tài sản</b></td> <td><b>115</b></td> <td><b>150</b></td> </tr> <tr> <td colspan="3" style="text-align: center;"><b>Nguồn vốn</b></td> </tr> <tr> <td>1. Vay và nợ thuê tài chính</td> <td>20</td> <td>20</td> </tr> <tr> <td>2. Phải trả người bán</td> <td>10</td> <td>0</td> </tr> <tr> <td>3. NVKD</td> <td>80</td> <td>129</td> </tr> <tr> <td>4. LNCPP</td> <td>5</td> <td>1</td> </tr> <tr> <td><b>Tổng nguồn vốn</b></td> <td><b>115</b></td> <td><b>150</b></td> </tr> </tbody> </table>	Tài sản	Đầu kỳ	Cuối kỳ	1. Tiền mặt	10	4	2. TGNH	15	4	3. Phải thu KH	20	20	4. Tạm ứng	0	2	5. Nguyên vật liệu	5	6	6. Hàng hoá	20	24	7. TSCĐ HH	45	90	<b>Tổng tài sản</b>	<b>115</b>	<b>150</b>	<b>Nguồn vốn</b>			1. Vay và nợ thuê tài chính	20	20	2. Phải trả người bán	10	0	3. NVKD	80	129	4. LNCPP	5	1	<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>115</b>	<b>150</b>
Tài sản	Đầu kỳ	Cuối kỳ																																													
1. Tiền mặt	10	4																																													
2. TGNH	15	4																																													
3. Phải thu KH	20	20																																													
4. Tạm ứng	0	2																																													
5. Nguyên vật liệu	5	6																																													
6. Hàng hoá	20	24																																													
7. TSCĐ HH	45	90																																													
<b>Tổng tài sản</b>	<b>115</b>	<b>150</b>																																													
<b>Nguồn vốn</b>																																															
1. Vay và nợ thuê tài chính	20	20																																													
2. Phải trả người bán	10	0																																													
3. NVKD	80	129																																													
4. LNCPP	5	1																																													
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>115</b>	<b>150</b>																																													
<b>Tổng điểm câu 2</b>			<b>3,0đ</b>																																												

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
3	1/	Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh:	0,5đ
		a. Nợ TK 621      100.000 Nợ TK 627      20.000 Có TK 152      120.000	
		b. Nợ TK 627      2.600 Nợ TK 641      1.200 Nợ TK 642      1.200 Có TK 153      5.000	
		c. Tính tiền lương phải trả từ các khoản trích theo lương:	0,5đ
		Nợ TK 622      60.000      (14.100/0,235)	
		Nợ TK 627      6.000      (1.410/0,235)	
		Nợ TK 641      4.000      (940/0,235)	
		Nợ TK 642      20.000      (4.700/0,235)	
Có TK 334      90.000			
d. Nợ TK 622      14.100 Nợ TK 627      1.410 Nợ TK 641      940 Nợ TK 642      4.700 Có TK 338      21.150	0,5đ		
e. Nợ TK 627      5.000 Nợ TK 641      1.000 Nợ TK 642      2.000 Có TK 214      8.000	0,5đ		
f. Nợ TK 627      500 Nợ TK 641      1.000 Nợ TK 642      2.000 Có TK 111      3.500	0,5đ		
g. Nợ TK 154      209.610 Có TK 621      100.000 Có TK 622      74.100 Có TK 627      35.510	0,75đ		
Tổng $Z_{SPHT} = Dđ + C - Dc$			

	$= 3.000 + 209.610 - 1.500 = 211.110$ $\Rightarrow Z_{đv} = 211.110 / 3.100 = 68,1 \text{ ngđ/sp (68.100 đ/sp)}$ <p>h. Nợ TK 155      211.110</p> <p>    Có TK 154              211.110</p>	
	<p>Tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh:</p> <p>a. Tiêu thụ:</p> <p>a1. Nợ TK 632      199.420</p> <p>    Có TK 155 <math>(800 \times 62) + (2.200 \times 68,1) = 199.420</math></p> <p>a2. Nợ TK 131              297.000</p> <p>    Có TK 511      <math>(3.000 \times 90) = 270.000</math></p> <p>    Có TK 333 <math>(270.000 \times 10\%) = 27.000</math></p>	0,5đ
2/	<p>b. XĐKQ kinh doanh:</p> <p>b1. Kết chuyển DT thuần:</p> <p>    Nợ TK 511      270.000</p> <p>    Có TK 911      270.000</p> <p>b2. Kết chuyển chi phí:</p> <p>    Nợ TK 911      237.460</p> <p>    Có TK 632              199.420</p> <p>    Có TK 641              8.140</p> <p>    Có TK 642              29.900</p> <p><math>\Rightarrow \text{KQKD} = 270.000 - 237.460 = + 32.540</math></p> <p>b3. Kết chuyển lãi trước thuế:</p> <p>    Nợ TK 911      32.540</p> <p>    Có TK 421      32.540</p>	0,75đ
<b>Tổng điểm câu 3</b>		<b>5,0đ</b>